

Lợi thế cạnh tranh của hàng dệt may Việt nam trên thị trường Canada trong bối cảnh thực thi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)

**Trần Đức Hoàng, Đào Tuấn Minh, Đào Đức Minh,
Nguyễn Phương Anh, Vũ Đức Mạnh, Nguyễn Minh Quân**

Khoa Kinh tế quốc tế, Học viện Ngoại giao

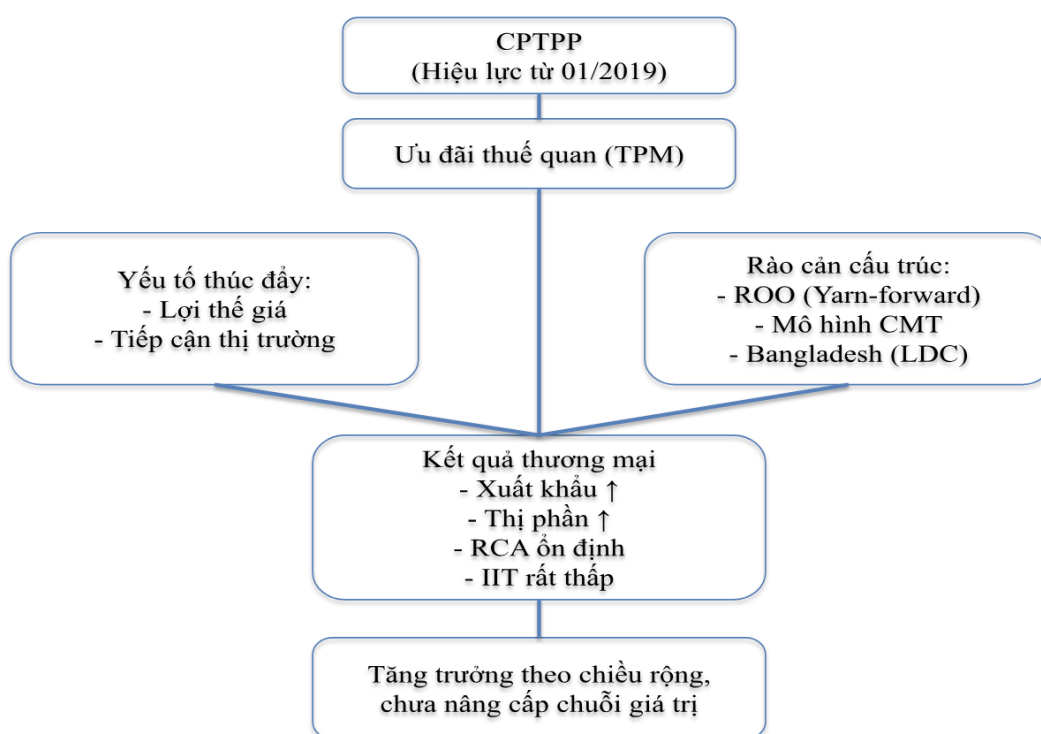
Tóm tắt: Nghiên cứu phân tích tác động của Hiệp định CPTPP đến lợi thế cạnh tranh của ngành dệt may Việt Nam tại thị trường Canada giai đoạn 2015-2024, sử dụng bộ chỉ số RCA, IIT, biên độ ưu đãi thuế quan (TPM) và thị phần nhập khẩu. Kết quả cho thấy CPTPP tạo TPM 17-18%, đóng góp vào việc nâng thị phần từ 4,81% lên 11,15% và tăng CAGR xuất khẩu từ 6,1% lên 8,4%; tuy nhiên, bằng chứng gợi ý rằng RCA không cải thiện có ý nghĩa và IIT duy trì gần bằng 0, phản ánh tăng trưởng chiều rộng chưa đi kèm nâng cấp chuỗi giá trị. Ba nút thắt cấu trúc bao gồm quy tắc xuất xứ yarn-forward, mô hình CMT và cạnh tranh từ Bangladesh lý giải nghịch lý "ưu đãi lớn, chuyển hóa hạn chế". Bài viết đề xuất hàm ý chính sách theo hai trục ngắn và dài hạn nhằm nâng cao khả năng tận dụng ưu đãi CPTPP.

Từ khóa: Dệt may, lợi thế cạnh tranh, Hiệp định CPTPP, Việt Nam, Canada.

1. Mở đầu

Năm 2023, ngành dệt may Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu 40,3 tỷ USD, chiếm khoảng 10% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. CPTPP có hiệu lực từ ngày 14/01/2019 mở ra cơ hội xuất khẩu dệt may sang Canada khi trước đó hai nước chưa có FTA song phương. Theo cam kết CPTPP, Canada xóa bỏ khoảng 94% dòng thuế dệt may của Việt Nam ngay khi hiệp định có hiệu lực và hoàn tất vào năm 2023, tạo biên độ ưu đãi thuế quan (TPM) khoảng 17-18% so với thuế MFN. Phần lớn nghiên cứu về CPTPP và ngành dệt may Việt Nam tập trung vào tăng trưởng xuất khẩu hoặc ước lượng lợi ích của hiệp định bằng mô hình cân bằng tổng thể. Trong khi đó, nghiên cứu về tác động của ưu đãi thuế quan đến lợi thế cạnh tranh của ngành qua các chỉ số RCA, IIT và vị thế chuỗi giá trị còn hạn chế. Từ khoảng trống này, nghiên cứu làm rõ mức độ chuyển hóa ưu đãi thuế quan thành lợi thế cạnh tranh. Bài viết xây dựng khung phân tích bốn tầng, mô tả quá trình từ tác động của CPTPP đến kết quả cạnh tranh.

Nghiên cứu có ba mục tiêu: (i) lượng hóa TPM của các nhóm hàng trọng điểm; (ii) đánh giá lợi thế cạnh tranh qua RCA, IIT và thị phần giai đoạn 2015-2024; và (iii) xác định các yếu tố hạn chế chuyển hóa ưu đãi thuế quan của CPTPP thành lợi thế cạnh tranh.



Hình 1. Khung phân tích: Cơ chế truyền dẫn từ ưu đãi CPTPP đến lợi thế cạnh tranh

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

2. Các chỉ số đo lường lợi thế cạnh tranh và nguồn số liệu

Nghiên cứu sử dụng bốn chỉ số định lượng gồm RCA, IIT, TPM và thị phần nhập khẩu để đánh giá lợi thế cạnh tranh của dệt may Việt Nam. Chỉ số lợi thế so sánh bộc lộ (Revealed Comparative Advantage - RCA), do Balassa (1965) đề xuất, đánh giá mức độ chuyên môn hóa xuất khẩu theo từng ngành hàng và được áp dụng rộng rãi trong nghiên cứu thương mại quốc tế và các FTA:

$$RCA = \frac{(X_{ij}/X_i)}{(X_{wj}/X_w)} \quad (1)$$

Trong đó X_{ij} là xuất khẩu mặt hàng j của quốc gia i ; X_i là tổng xuất khẩu quốc gia i ; X_{wj} và X_w lần lượt là xuất khẩu mặt hàng j và tổng xuất khẩu thế giới. $RCA > 1$ biểu thị có lợi thế so sánh; $RCA > 5$ phản ánh lợi thế mạnh. RCA được tính theo thị trường đích (bilateral RCA), lấy Canada làm thị trường tham chiếu để phản ánh lợi thế cạnh tranh của dệt may Việt Nam trong thương mại song phương.

Chỉ số thương mại nội ngành (Intra-Industry Trade - IIT), do Grubel và Lloyd (1975) đề xuất, phản ánh mức độ trao đổi hai chiều của cùng một nhóm hàng giữa các quốc gia và được sử dụng để phân biệt tăng trưởng theo chiều rộng với tăng trưởng theo chiều sâu thông qua tham gia chuỗi giá trị:

$$IIT = 1 - \frac{|X-M|}{|X+M|} \quad (2)$$

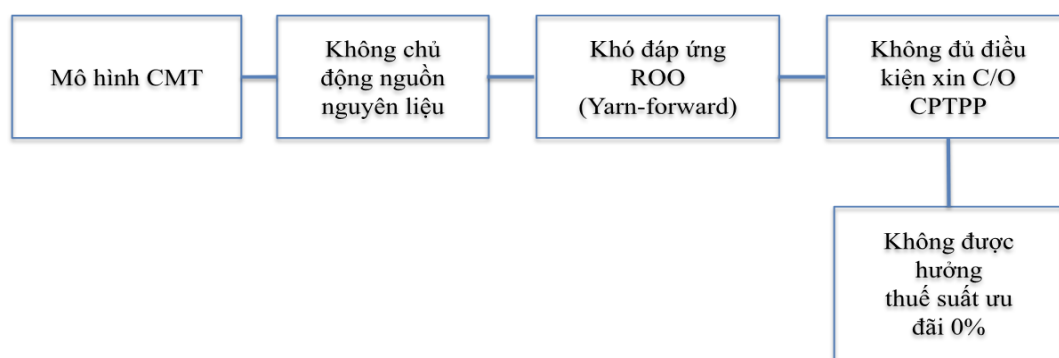
IIT $\in [0,1]$: tiệm cận 0 biểu thị thương mại hoàn toàn một chiều; tiệm cận 1 phản ánh hội nhập chuỗi giá trị sâu. Biên độ ưu đãi thuế quan (TPM = tMFN - tFTA) lượng hóa lợi thế thuế quan do CPTPP mang lại. Thị phần nhập khẩu phản ánh vị thế cạnh tranh của Việt Nam so với Trung Quốc và Bangladesh tại thị trường Canada.

Dữ liệu thương mại giai đoạn 2015-2024 được thu thập từ ITC Trade Map và đối chiếu với WITS để bảo đảm tính nhất quán. Dữ liệu thuế được lấy từ Canada Tariff Finder, còn dữ liệu giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) từ các báo cáo của Bộ Công Thương Việt Nam. Nghiên cứu so sánh giai đoạn trước và sau khi CPTPP có hiệu lực (2019), kết hợp phân tích theo từng năm để giảm ảnh hưởng của biến động trong giai đoạn COVID-19 (2020-2021).

3. Quy tắc xuất xứ hàng dệt may trong Hiệp định CPTPP

Để được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP, hàng dệt may phải đáp ứng quy tắc xuất xứ (ROO) theo nguyên tắc "từ sợi trở đi" (yarn-forward). Theo đó, các công đoạn từ kéo sợi, dệt vải đến may thành phẩm đều phải được thực hiện trong phạm vi các nước thành viên CPTPP. Bên cạnh đó, hiệp định cũng quy định một số ngoại lệ như nguyên tắc *de minimis* (cho phép tối đa 10% nguyên liệu ngoài khối theo trọng lượng) và danh mục *short supply list*.

Đối với Việt Nam, việc đáp ứng quy tắc xuất xứ vẫn gặp nhiều khó khăn do khoảng 50-60% nguyên phụ liệu dệt may được nhập khẩu từ ngoài khối CPTPP, chủ yếu từ Trung Quốc và Hàn Quốc. Theo Carrère và de Melo (2004), chi phí chuyển đổi sang nguồn cung trong khối có thể tương đương 2-8% giá trị thương mại. Khoản chi phí này làm giảm đáng kể lợi ích thực tế mà doanh nghiệp thu được từ ưu đãi thuế quan.



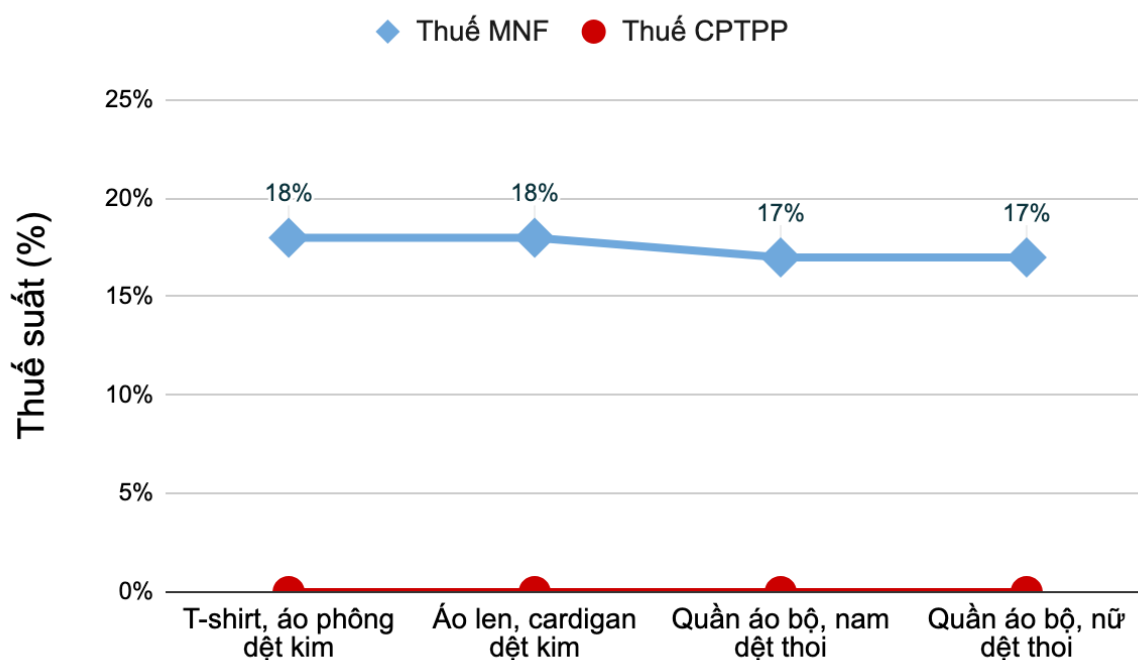
Hình 2. Cơ chế tác động của mô hình CMT đến khả năng hưởng ưu đãi thuế CPTPP

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phân tích dữ liệu.

Ngoài quy tắc xuất xứ, doanh nghiệp còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn phi thuế quan của Canada. Từ năm 2024, Đạo luật Phòng chống Lao động Cường bức trong Chuỗi Cung ứng, yêu cầu doanh nghiệp báo cáo nguy cơ lao động cưỡng bức trong toàn bộ chuỗi cung ứng. Nhiều doanh nghiệp dệt may Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, còn hạn chế về truy xuất nguồn gốc và quản trị chuỗi cung ứng, làm tăng chi phí tuân thủ và ảnh hưởng đến khả năng duy trì xuất khẩu sang Canada.

4. Tiếp cận thị trường Canada đối với hàng dệt may Việt Nam

Trước CPTPP, thuế MFN của Canada đối với hàng may mặc dao động 10-18%, bình quân khoảng 16,5% với nhóm HS 61-62. Sau khi CPTPP có hiệu lực, thuế suất đối với các mã HS 6109, HS 6110, HS 6203 và HS 6204 được cắt giảm theo lộ trình và về 0% vào năm 2023, tạo ra biên độ ưu đãi thuế quan (TPM) khoảng 17-18 điểm phần trăm. Xét về mặt chi phí nhập khẩu, mức cắt giảm thuế này tương đương với việc giá nhập khẩu giảm khoảng 14,5-15,3% (theo công thức $t/(1+t)$).



Hình 3. Biên độ ưu đãi thuế quan (TPM) CPTPP đối với 4 mã HS4 trọng điểm

Ghi chú: Thuế MFN lấy tại năm 2018; thuế CPTPP = 0% sau lộ trình 2019-2023.

Nguồn: Canada Border Services Agency;.

So với Việt Nam, hàng dệt may Trung Quốc vẫn chịu mức thuế MFN khoảng 17-18%, trong khi Bangladesh được hưởng ưu đãi theo cơ chế LDCT với thuế suất dao động từ 0-12%. Bên cạnh lợi thế về thuế, Bangladesh còn duy trì chi phí lao động thấp và tập trung vào phân khúc hàng may mặc giá rẻ, phân khúc cũng là thế mạnh của Việt Nam. Vì vậy, ưu đãi thuế từ CPTPP giúp Việt Nam cải thiện vị thế cạnh tranh so với Trung Quốc rõ rệt hơn so với Bangladesh.

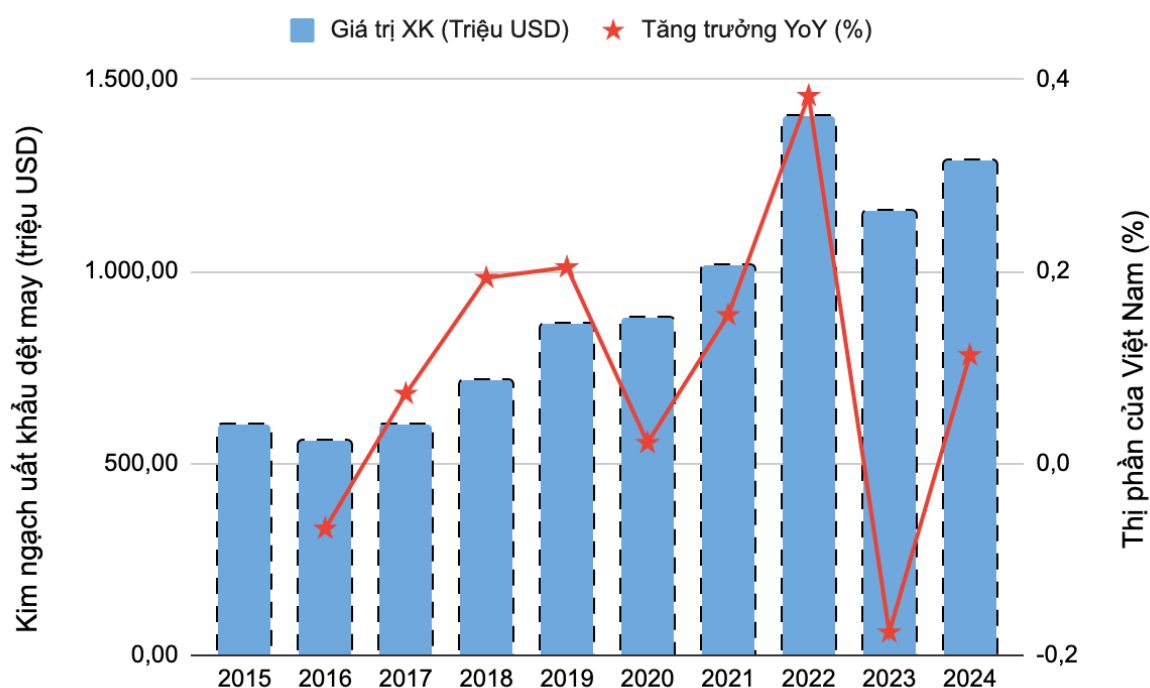
5. Kết quả nghiên cứu về lợi thế cạnh tranh của hàng dệt may Việt Nam trên thị trường Canada

5.1. Thực trạng thương mại hàng dệt may giữa Việt Nam và Canada

Kim ngạch xuất khẩu dệt may của Việt Nam sang Canada tăng từ 600,52 triệu USD năm 2015 lên 1.290,15 triệu USD năm 2024, tương đương hơn 2,1 lần sau mười năm. Tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) tăng từ 6,1%/năm trong giai đoạn 2015-2018 lên 8,4%/năm giai đoạn 2019-2024, trong đó mức tăng cao nhất đạt 38,31% vào năm 2022. Đồng thời, thị phần của Việt Nam tăng thêm 3,51 điểm phần trăm sau khi CPTPP có hiệu lực, cao hơn đáng kể so với mức tăng 1,68 điểm phần trăm của giai đoạn trước năm 2019. Kết quả này

cho thấy CPTPP nhiều khả năng đã góp phần thúc đẩy xuất khẩu, mặc dù ảnh hưởng của các yếu tố khác như chu kỳ kinh tế vẫn cần được xem xét (Hình 4).

Trong giai đoạn 2015-2024, Việt Nam luôn duy trì trạng thái xuất siêu với tổng giá trị tích lũy trên 8,2 tỷ USD. Kim ngạch nhập khẩu từ Canada chỉ dao động từ 10 đến 32 triệu USD mỗi năm, tương đương dưới 2,5% kim ngạch xuất khẩu, cho thấy quan hệ thương mại giữa hai nước chủ yếu diễn ra theo một chiều. Về cơ cấu mặt hàng, nhóm HS 61 và HS 62 chiếm trên 95% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong khi các nhóm nguyên liệu và bán thành phẩm (HS 50-60 và HS 63) vẫn duy trì tỷ trọng dưới 5%. Điều này cho thấy việc tham gia CPTPP chưa đi kèm với sự mở rộng đáng kể của các hoạt động ở khâu thượng nguồn trong chuỗi giá trị.



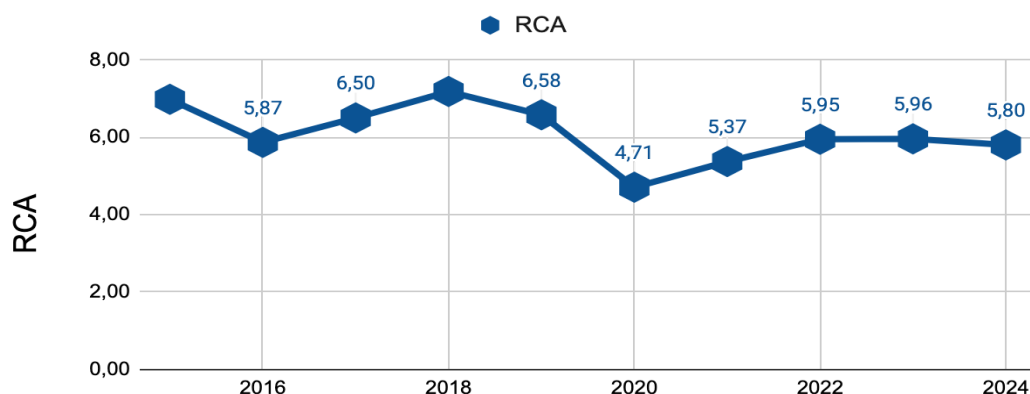
Hình 4. Kim ngạch xuất khẩu dệt may và thị phần của Việt Nam tại Canada (2015-2024)

Nguồn: Tác giả tính toán từ ITC Trade Map.

5.2. Lợi thế cạnh tranh của hàng dệt may Việt Nam

5.2.1. Chỉ số RCA

Chỉ số RCA của hàng dệt may Việt Nam dao động từ 4,71 đến 7,18, với giá trị trung bình đạt 6,31 (Hình 5). Trong toàn bộ giai đoạn nghiên cứu, RCA đều lớn hơn 5, cho thấy ngành dệt may Việt Nam duy trì lợi thế so sánh ở mức cao trên thị trường Canada. RCA trung bình giảm nhẹ từ 6,63 (2015-2018) xuống 6,06 (2019-2024). Đáng chú ý, chỉ số RCA không ghi nhận sự gia tăng rõ rệt sau khi CPTPP có hiệu lực. Điều này cho thấy hiệp định chủ yếu phát huy lợi thế so sánh vốn có của ngành, thay vì tạo ra sự thay đổi đáng kể về lợi thế cạnh tranh trong ngắn hạn.

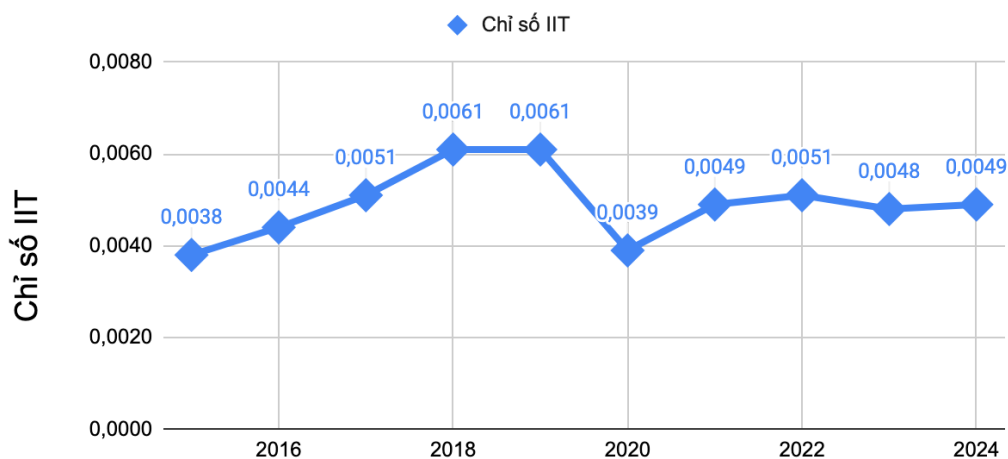


Hình 5: Chỉ số RCA của hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu sang Canada giai đoạn 2015–2024

Nguồn: Tác giả tính toán từ ITC Trade Map.

5.2.2. Chỉ số IIT

Chỉ số IIT dao động từ 0,0038 đến 0,0061 trong toàn bộ giai đoạn nghiên cứu, tức luôn ở mức rất thấp và gần bằng 0 (Hình 6). Sau năm 2019, IIT hầu như không có sự cải thiện, khác với kỳ vọng rằng các FTA có thể thúc đẩy thương mại nội ngành thông qua việc tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị. Một nguyên nhân có thể là Việt Nam vẫn chủ yếu nhập nguyên liệu từ các nước châu Á thay vì Canada, khiến liên kết ngược giữa hai nền kinh tế còn hạn chế. Do đó, mặc dù CPTPP làm giảm rào cản thuế quan, hiệp định chưa tạo ra thay đổi đáng kể trong cấu trúc chuỗi cung ứng giữa hai nước trong giai đoạn nghiên cứu.

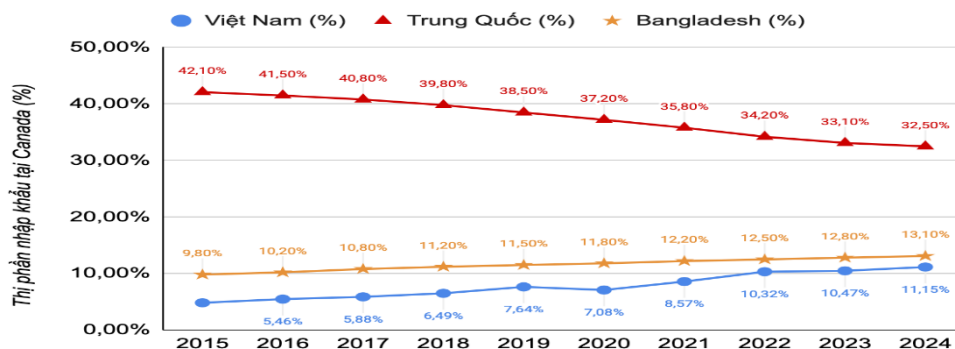


Hình 6: Chỉ số thương mại nội ngành (IIT) của hàng dệt may Việt Nam - Canada giai đoạn 2015-2024

Nguồn: Tác giả tính toán từ ITC Trade Map.

5.2.3. Đối thủ cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường Canada

Thị phần của Việt Nam tăng từ 4,81% lên 11,15%, trong khi Trung Quốc giảm từ 42,10% xuống 32,50% và Bangladesh tăng từ 9,80% lên 13,10% (Hình 7). Kết quả cho thấy các thành viên FTA đều mở rộng thị phần, song mức tăng của Việt Nam chủ yếu gắn với sự suy giảm thị phần của Trung Quốc hơn là thay thế Bangladesh.



Hình 7. Thị phần nhập khẩu dệt may tại Canada và chỉ số RCA của Việt Nam (2015-2024)

Ghi chú: Trục phải thể hiện RCA của Việt Nam (đường chấm gạch).

Nguồn: Tác giả tính toán từ ITC Trade Map.

5.3. Các biện pháp rào cản phi thuế quan đối với hàng dệt may Việt Nam

Đối với thị trường Canada, tỷ lệ sử dụng C/O theo CPTPP tăng từ 27,6% năm 2019 lên 59,9% năm 2020, trước khi giảm xuống 34,9% năm 2021 [9]. Xu hướng này cho thấy doanh nghiệp bước đầu tận dụng ưu đãi thuế quan, nhưng việc duy trì khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ vẫn còn hạn chế.

Mặc dù CPTPP tạo TPM khoảng 17-18 điểm phần trăm, lợi thế cạnh tranh của dệt may Việt Nam chỉ cải thiện ở mức hạn chế do: (i) quy tắc xuất xứ yarn-forward trong bối cảnh 50-60% nguyên liệu nhập ngoài CPTPP, làm giảm tỷ lệ C/O và tăng chi phí tuân thủ; (ii) mô hình CMT khiến doanh nghiệp không chủ động nguồn nguyên liệu, hạn chế khả năng đáp ứng ROO; và (iii) cạnh tranh từ Bangladesh ở phân khúc giá rẻ làm giảm lợi thế tương đối của CPTPP.

6. Hàm ý chính sách nâng cao lợi thế cạnh tranh hàng dệt may Việt Nam trong bối cảnh thực thi Hiệp định CPTPP

Trên cơ sở kết quả phân tích, nghiên cứu có ba đóng góp chính: (i) xây dựng bộ dữ liệu RCA, IIT, TPM và thị phần nhập khẩu để đánh giá tác động của CPTPP đến dệt may Việt Nam tại Canada; (ii) đề xuất khung phân tích liên kết mô hình CMT, quy tắc xuất xứ, khả năng sử dụng C/O và mức độ tận dụng ưu đãi thuế quan; và (iii) bổ sung bằng chứng thực nghiệm về tác động của quy tắc xuất xứ trong thực thi CPTPP tại Việt Nam.

- Đối với Nhà nước:

Trong ngắn hạn, có thể ưu tiên số hóa và đơn giản hóa quy trình cấp C/O nhằm giảm chi phí tuân thủ và nâng cao khả năng tận dụng ưu đãi CPTPP. Đồng thời, việc đàm phán mở rộng danh mục *short supply list* và hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng hiệu quả quy định *de minimis* sẽ góp phần giảm bớt khó khăn trong việc đáp ứng quy tắc xuất xứ.

Trong dài hạn, phát triển công nghiệp hỗ trợ ở các khâu dệt, nhuộm và hoàn tất được xem là giải pháp quan trọng để nâng cao khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ. Nhà nước có thể xây dựng cơ chế thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp chuyên ngành gắn với yêu cầu về môi trường và phát triển bền vững.

- Đối với doanh nghiệp:

Trong ngắn hạn, cần ưu tiên các nhóm sản phẩm có khả năng đáp ứng quy tắc xuất xứ cao để nâng tỷ lệ sử dụng C/O. Đồng thời, đầu tư vào hệ thống truy xuất nguồn gốc và quản trị chuỗi cung ứng sẽ giúp doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn các yêu cầu mới của thị trường Canada.

Trong dài hạn, từng bước chuyển từ CMT sang FOB và tiến tới ODM sẽ góp phần nâng cao khả năng kiểm soát nguồn nguyên liệu và đáp ứng quy tắc xuất xứ. Đồng thời, mở rộng sang các dòng sản phẩm bền vững và có giá trị gia tăng cao có thể giúp giảm phụ thuộc vào cạnh tranh về chi phí với Bangladesh.

Nghiên cứu còn một số hạn chế. Thứ nhất, phương pháp before-after chưa kiểm soát được các biến nhiễu như chu kỳ kinh tế toàn cầu và COVID-19; các nghiên cứu tiếp theo có thể sử dụng mô hình gravity hoặc difference-in-differences để tăng khả năng xác định quan hệ nhân quả. Thứ hai, dữ liệu C/O theo ngành và thị trường mới có đến năm 2021, hạn chế phân tích giai đoạn 2022-2024. Thứ ba, nghiên cứu chưa kiểm soát GDP của Canada và các nhân tố cầu vĩ mô. Thứ tư, chưa khai thác dữ liệu cấp doanh nghiệp (firm-level), nên chưa phản ánh sự khác biệt về khả năng tận dụng ưu đãi giữa các doanh nghiệp. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng sang các thị trường CPTPP khác, đồng thời kết hợp dữ liệu điều tra doanh nghiệp để đánh giá chi phí tuân thủ quy tắc xuất xứ ở cấp độ vi mô.

Tài liệu tham khảo

1. Balassa, B. 1965. *Trade Liberalisation and "Revealed" Comparative Advantage*. The Manchester School, 33(2): 99–123. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9957.1965.tb00050.x>
2. Bộ Công Thương. 2024. Báo cáo Xuất nhập khẩu Việt Nam năm 2023. Hà Nội, Việt Nam: Bộ Công Thương.
3. Carrère, C., and J. de Melo. 2004. Are Different Rules of Origin Equally Costly? Estimates from NAFTA. *CEPR Discussion Paper No. 4437*. Centre for Economic Policy Research. London, United Kingdom. <https://cepr.org/publications/dp4437>
4. Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP). 2018. *Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership*. Wellington, New Zealand.
5. Government of Canada. 2023. *Fighting Against Forced Labour and Child Labour in Supply Chains Act* (S.C. 2023, c. 9). Ottawa: Government of Canada. Fighting Against Forced Labour and Child Labour in Supply Chains Act (S.C. 2023, c. 9)
6. Grubel, H. G., and P. J. Lloyd. 1975. *Intra-Industry Trade: The Theory and Measurement of International Trade in Differentiated Products*. London: Macmillan Press.
7. International Trade Centre (ITC). 2025. *Trade Map: Trade Statistics for International Business Development*. Geneva: International Trade Centre. <https://www.trademap.org>

8. Petri, P. A., and M. G. Plummer. 2019. *The Economic Effects of the Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership*. Working Paper 19-15. Peterson Institute for International Economics. Washington, DC, USA.

COMPETITIVE ADVANTAGES OF VIETNAMESE TEXTILES AND GARMENTS IN THE CANADIAN MARKET IN THE CONTEXT OF CPTPP IMPLEMENTATION

Tran Duc Hoang, Dao Tuan Minh, Dao Duc Minh,
Nguyen Phuong Anh, Vu Duc Manh, Nguyen Minh Quan

This study examines the impact of the CPTPP on the competitive advantage of Vietnam's textile and garment industry in the Canadian market over 2015-2024, employing a multi-indicator framework of RCA, IIT, Tariff Preference Margin (TPM) and import market share. Evidence suggests that CPTPP generated a 17-18 percentage-point tariff margin, contributing to an expansion of market share from 4.81% to 11.15% and an increase in export CAGR from 6.1% to 8.4%; however, RCA showed no meaningful structural improvement and IIT remained near zero, indicating extensive growth without value chain upgrading. Three structural bottlenecks, yarn-forward rules of origin, the CMT production model and competition from Bangladesh, explain the paradox of large preferences with limited conversion. Short- and long-term policy implications are proposed to enhance CPTPP preference utilisation.

Key words: Canada, competitive advantage, CPTPP, garment, textile, Vietnam.